

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **434/2020/TLST-HNGĐ** ngày **11 tháng 6 năm 2020** về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- *Người yêu cầu:* Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1985; Địa chỉ: 86/71/9/58 Trường Chinh, Phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu:* Ông **Lê Trần T**, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp Bà Tiên 1, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: **Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Trần T** cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. **Bà C** có địa chỉ cư trú ở quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ **Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2015, quyển số 01/2014 ngày 20/7/2015 do Ủy ban nhân dân xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang cấp thì bà C và ông T là vợ chồng hợp pháp**, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của **bà C và ông T** thì hai bên đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên cả hai cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Tòa án công nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thiên M, sinh ngày 30/11/2015. Ly hôn cả hai thống nhất bà C trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ

tháng 7/2020 cho đến khi con chung thành niên. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái luật nên Tòa án công nhận.

[5] Về tài sản chung: Cả hai khai tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Cả hai khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: do **bà C và ông T** chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Trần T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thiên M, sinh ngày 30/11/2015. Ly hôn cả hai thống nhất bà C trực tiếp nuôi con chung, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung thành niên.

Trường hợp ông T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông T còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

**Ông T** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp **người không trực tiếp nuôi con chung** lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **người trực tiếp nuôi con chung** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của **người không trực tiếp nuôi con chung**.

**Người trực tiếp nuôi con chung** cùng gia đình không được cản trở **người không trực tiếp nuôi con chung** T việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Cả hai khai tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Cả hai khai không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

**2.** Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị C và ông Lê Trần T tự nguyện nộp, được căn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà đương sự đã nộp theo biên lai số **0016396 ngày 04/6/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND xã Phú Đông, H. Tân Phú Đông, T. Tiền Giang  
(để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH  
số 36/2015, quyền số 01/2014 ngày 20/7/2015);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Quang Thiện**